COTSEAL - Content-based instruction
Teaching Vietnamese via authentic reading materials
Intermediate level
Lesson Plan - Thursday Feb 9th, 2017

I. Trước khi đọc (Before reading)

1. Nhìn tranh và đọc phụ đề. Đây là những ai? Họ đang làm gì, ở đâu, để làm gì? Khi học sinh chơi hay không chơi thể thao thì có ảnh hưởng gì đến sức khoẻ hay việc học của các em?

2. Nói chuyện với bạn về các lợi và hại của việc chơi thể thao đối với sức khoẻ và học tập và điền vào bảng này

	Chơi thể thao nhiều (play sports a lot)	**Không chơi thể thao (do not play sports)**
Ảnh hưởng sức khoẻ (impacts on health)	Lợi (benefit) Hại (harms)	Lợi (benefit) Hại (harms)
Ảnh hưởng đến học tập (impacts on study)	Lợi (benefit) Hại (harms)	Lợi (benefit) Hại (harms)

3. Xem nhan đề và đoạn trích trong bài đọc. Theo em, bài này có thể có nội dung gì trong số 5 lựa chọn a, b, c, d, and e? Tại sao em đoán vậy?

Nan giải bài toán thể thao cho giới trẻ

TT - Với câu hỏi "Bạn có thường xuyên tập thể dục hay chơi một môn thể thao nào không?", hầu hết đều ngượng ngập trả lời "không"! Một số rất ít thì cho biết là có, nhưng không đều.

a. Một nghiên cứu về sinh viên chuyên ngành thể thao
b. Các môn thể thao và hoạt động giải trí phổ biến ở trường học Việt Nam
c. Lý do tại sao sinh viên chơi thể thao nhiều quá
d. Một điều tra về kỹ năng giải toán của các học sinh trung học
e. Một điều tra trong trường về các hoạt động thể thao

II. Trong khi đọc (While-reading). Đọc bài sau trong 7 phút, chú ý các từ hay cụm từ **in đậm**

Nan giải bài toán thể thao cho giới trẻ

[1] Một nhóm sinh viên năm 4 khoa báo chí (K12) Trường ĐH Khoa học xã hội và nhân văn TP. HCM đã làm một chương trình phỏng vấn với chủ đề "Thể thao và giới trẻ" khá thành công. Để thực hiện chương trình, nhóm đã làm một cuộc phỏng vấn nhiều sinh viên cùng trường với câu hỏi: "Bạn có **thường xuyên** tập thể dục hay chơi một môn thể thao nào không?". Hầu hết đều ngượng ngập trả lời "không"! Một số rất ít thì cho biết là có, nhưng **không đều**. Tiếp đến, nhóm thực hiện đi ra công viên ghi lại những hình ảnh mà lâu nay người ta vẫn thường nói đùa: Sáng sớm, ở công viên **chỉ toàn** người già đến tập luyện, **còn** giới trẻ **thì**...bận ngủ! Và thực tế đúng như những gì người ta nói

[2] Tiếp đến nữa, nhóm thực hiện đeo bám một ngày sinh hoạt của một nữ sinh lớp 11 Trường NTMK (TP.HCM). 6g sáng, bạn nữ sinh này rời nhà. Ngồi trên xe, sau lưng mẹ chở đến trường, cô gái **tranh thủ** gặm ổ bánh mì. Cô nữ sinh này **quay cuồng** trong chuyện học từ sáng đến tối mịt mới về nhà trong bộ dạng mệt mỏi. Thậm chí cô còn trả lời với nhóm sinh viên rằng cả chủ nhật cũng phải học. Thế bạn có chơi thể thao không? Trả lời câu hỏi này, cô nữ sinh cho biết mình chỉ tập chút ít trong giờ giáo dục thể chất và có muốn chơi thể thao thường xuyên cũng không có thời gian.

[3] Những hình ảnh đó cũng là chuyện chung của học sinh, sinh viên hiện nay chứ không phải của riêng ai. Tất cả đều **quay cuồng** theo chuyện học. Từ đây đã dẫn đến thực trạng đáng buồn của sinh viên, học sinh VN: em thì quá béo phì, em thì quá gầy, kèm theo nhiều số liệu **đáng ngại** khác như tỉ lệ học sinh mắc các **bệnh học đường** như cận thị, vẹo cột sống... ngày càng tăng cao. Với thể trạng, thể lực học sinh sinh viên như thế làm sao học cho tốt, ra đời làm việc cho hiệu quả?

[4] Để giải quyết câu chuyện này, không thể chỉ ngành thể thao hay giáo dục, mà phải có chính sách chung để làm sao trường học và ngoài xã hội phải đầy đủ sân chơi thể thao như quy hoạch, học sinh không bị **quay cuồng** bởi chương trình học quá **nặng nề**.

[5] Tuy nhiên đây là một bài toán cực khó, khi nhiều địa phương vì áp lực của bài toán kinh tế đã khiến đất đai phục vụ cho sân chơi thể thao ngày càng thu hẹp, và đặc biệt **giảm tải** chương trình học cũng loay hoay không lối thoát.

Huy Thọ

(Báo Tuổi Trẻ, 06/09/2015)

III. Sau khi đọc (after reading)

1. Phỏng đoán của em về nội dung bài có đúng không?

2. **Tìm ý chính cho mỗi đoạn văn**. Ghép tóm tắt ở cột (A) với con số của đoạn văn ở cột (B).

Main ideas (A)	Paragraph 1-5 (B)
a. Vấn đề của học sinh và sinh viên khi đi học	
b. Những điều cản trở hoạt động thể thao của học sinh	
c. Các sinh viên làm phim về thể thao và giới trẻ	
d. Hướng giải quyết vấn đề sức khoẻ cho học sinh	
e. Một ngày đi học của một học sinh	

3. **Đọc lướt lại bài đọc trong 3 phút, rồi trả lời cho các câu hỏi sau**

   a. Ai đã làm phim tài liệu này? Phim làm với mục đích gì?

   b. Theo phim này, sinh viên có thường xuyên tập thể dục không?

   c. Những người làm phim thấy gì ở công viên vào lúc sáng sớm?

   d. Tại sao những sinh viên trong bài không tập thể dục thường xuyên?

   e. Những vấn đề sức khoẻ thường thấy ở sinh viên là gì?

   f. Theo phim này, giải pháp cho các vấn đề sức khoẻ đó là gì?

   g. Giải pháp đó có dễ thực hiện không? Tại sao có? Tại sao không?

4. **Bài tập từ vựng và ngữ pháp** (vocabulary and grammar exercises): Tìm nghĩa đúng cho cụm từ **in đậm** trong số các lựa chọn theo cách hiểu bài đọc của em

4.1. "Bạn có **thường xuyên** tập thể dục hay chơi một môn thể thao nào không?". Hầu hết đều ngượng ngập trả lời "không"! Một số rất ít thì cho biết là có, nhưng **không đều**.
a) Có chơi thể thao nhưng chơi không giỏi
b) Có chơi thể thao nhưng khi có, khi không
c) Rất hiếm khi chơi thể thao

4.2. Sáng sớm, ở công viên **chỉ toàn** người già đến tập luyện, **còn** giới trẻ **thì**... bận ngủ!
a) Chỉ có rất ít người tập luyện thể thao là người già.
b) Đa số những người tập luyện thể thao là người già
c) Tất cả những người tập luyện thể thao là người già

4.3. ....cô gái **tranh thủ** gặm ổ bánh mì. "**Tranh thủ**" có nghĩa là gì?
a) Cô gái dùng thời gian ngồi trên xe để ăn sáng vì không có thời gian ăn ở nhà
b) Cô gái và mẹ cùng ăn bánh mì, cô gái giúp mẹ ăn vì mẹ đang lái xe.
c) Cô gái ăn bánh mì rất nhanh

4.4. Cô nữ sinh này **quay cuồng** trong chuyện học từ sáng đến tối mịt mới về nhà trong bộ dạng mệt mỏi. "**Quay cuồng**" có nghĩa là....
a) bận và mệt vì chuyện học
b) học rất chăm chỉ
c) tham gia một học một lớp nhảy (khiêu vũ)

4.5. Trong câu "...kèm theo nhiều số liệu **đáng ngại** khác như tỉ lệ học sinh mắc các bệnh học đường như cận thị, vẹo cột sống... ngày càng tăng cao," em hiểu "số liệu **đáng ngại**" là:
a) Đúng, chính xác
b) Làm mọi người lo lắng
c) Làm mọi người vui

4.6. Theo bài đọc, **bệnh học đường** là bệnh gì?
a) Bệnh gây ra do học quá nhiều
b) Bệnh gây ra do ăn quá nhiều đường
c) Bệnh mãn tính kéo dài trong nhiều năm

4.7. ...chương trình học quá **nặng nề..."nặng nề"** có nghĩa là:
a) quá khó, cần phải rất thông minh để có thể làm được
b) quá mắc, cần phải trả rất nhiều tiền
c) quá nhiều, mất rất nhiều thời gian để học xong

4.8. "**giảm tải** chương trình học" nghĩa là làm cho chương trình học**...**
a) nặng hơn
b) nhẹ hơn
c) rẻ hơn

5. **Bài tập ghép hình:** Ghép cụm từ miêu tả tình trạng cơ thể ở bên trái với hình ảnh diễn tả tình trạng đó ở cột bên phải rồi thảo luận a) tại sao một số người bị như vậy? b) họ cần làm gì hay tập thể thao gì để tránh hay đỡ như vậy?

1. Cận thị (short-sighted).	a.
2. Vẹo cột sống (twisted back bone)	b. 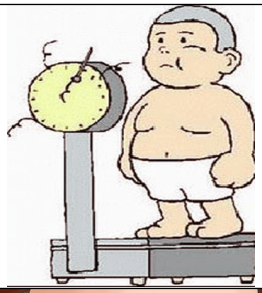
3. Mệt mỏi (fatigue)	c. 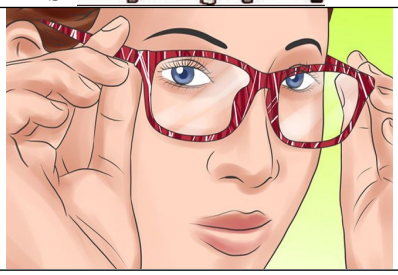
4. Béo phì (obese)	d.
5. Gầy quá (skinny)	e. 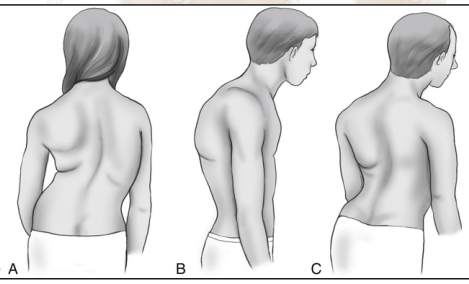

6. **Thực hành nói (speaking/role-play):** Chia làm hai nhóm, mỗi nhóm chọn 1 trong hai tình huống sau:

   a. A is a prospective student who is about to attend UW and is interested in finding out about sport activities, facilities, programs available at UW; B is a current student at UW who is very knowledgable about sports programs at UW. A inquires and B gives him/her a tour or information briefing about what UW can offer in terms of sports and leisure activities.

   b. A is a land developer who is interested in developing an area next to a school into a retailer and residential complex. B is a school district official. A tries to persuade B to approve and support his/her plans while B tries to oppose and dissuade B otherwise. Both A and B bring up their own reasonale for their position/vision.

7. **Bài tập về nhà (homework)**

   1. Write a letter/informative email: Hãy quảng cáo, giới thiệu các cơ sở vật chất thể thao sẵn có cho một sinh viên Việt Nam sắp đến học và quan tâm đến hoạt động thể dục ngoại khoá ở trường em (You work in the Department of Athletics at your university. A potential student from Vietnam inquires you about available sport facilities and sport programs at your school. Please write a letter describing and giving positive recommendations for the available sport facilities at your university)
   2. Advocate a position: Defend one among the following three positions. Bảo vệ một quan điểm trong 3 quan điểm sau
      a. Sinh viên chỉ cần học chăm và học tốt, thể thao không quan trọng, và thậm chí còn ảnh hưởng không tốt đến việc học (students only need to study hard and study well, sport activities are not important and they can even cause negative effects on study results)
      b. Sinh viên cần tập thể thao thường xuyên và lành mạnh để có thể học tốt và giữ cân bằng sức khoẻ (Students need to regularly do exercises and healthy sports so that they can study well and keep fit)
      c. Sinh viên giỏi thể thao có rất nhiều lợi thế và thậm chí nhiều cơ hội hơn những sinh viên chỉ học giỏi (Students who are good at sports have many advantages and opportunities than those who are only good at studying)
   3. Ôn lại các từ và cụm từ **in đậm** trong bài và đặt 1 câu trong đó có ít nhất 2 từ hay cụm từ in đậm (Review all the bold-typed words and phrases, their usage and meanings, then make a meaningful sentence using at least **two** of them)